

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/4/2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Cúc;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 21/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:**

Chị và anh T1 chung sống với nhau năm 2002 đến ngày 18/8/2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 gia trưởng, không lo cho gia đình, ghen tuông vô cớ, xúc phạm và đánh chị rất nhiều lần, chị bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân gần 09 tháng nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn T1 vì muốn tự do.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Ngô Văn T, sinh ngày 27/10/2003, Ngô Gia T, sinh ngày 15/02/2012; Ngô Thị Bảo T, sinh ngày 24/11/2013. Khi ly hôn các con muốn sống với ai thì người đó chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Các con sống với chị, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con sống với anh T1, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo tờ tự khai ghi ngày 17/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngô Văn T1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 15 năm, có với nhau 03 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2018 vợ xin đi làm công nhân nên tính tình thay đổi hay đi sớm về khuya, chơi mạng xã hội, thỉnh thoảng đi chơi về trễ nên anh hay ghen tuông, chỉ có 01 lần vợ chồng xô xát như vợ trình bày, vợ chồng đã ly thân nhau gần 09 tháng, anh đến rước về nhiều lần nhưng vợ không đồng ý. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để chăm lo cho các con.

- Về con chung: Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy chị T và anh T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị T xin ly hôn với anh T1 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các bên đương sự: Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T1 giữ nguyên ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân chủ yếu là do gần đây

chị T đi đi làm công nhân nên có nhiều mối quan hệ xã hội bên ngoài nên anh T1 hay ghen tuông làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm gay gắt, việc này được anh T1 thừa nhận và cam kết sửa đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T1 không đồng ý ly hôn, thừa nhận sai lầm và hứa có biện pháp sửa đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại bản tự khai của con chung trình bày muốn được sống chung với anh T1 điều đó chứng tỏ anh cũng là một người cha tốt và có trách nhiệm.

2.2. Xét thấy lời trình bày của anh T1 là chân thành, có thiện chí, nghĩ vợ chồng anh, chị còn trẻ, mâu thuẫn còn có thể hàn gắn nên cần có thời gian để hai người bình tâm suy nghĩ, hỗ trợ lẫn nhau, vun đắp tình cảm gia đình, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy các con thơ. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn nên quan hệ về con chung, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Không cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với anh Ngô Văn T1.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006471 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hà Văn Phúc